

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC      LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN:**

Tiếng Việt: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

Tiếng Anh: Accounting Principles

Mã học phần: KTKE1101      Tổng số tín chỉ: 3

**2. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN:**

Họ và tên: **TS. Nguyễn Hà Linh**

Văn phòng: Phòng 1111 nhà A1, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Điện thoại: 094 5088886

Email: [linhnh@neu.edu.vn](mailto:linhnh@neu.edu.vn)

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:** Không

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:**

Nguyên lý kế toán là học phần được đào tạo ở nhiều cấp độ và chương trình đào tạo trong khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh ở các trường đại học không chỉ ở Việt Nam và các nước khác trên thế giới. Học phần này giới thiệu các nội dung cơ bản về kế toán cho các đối tượng chưa được đào tạo kế toán. Với kiến thức nền tảng ở môn học này người học mới có thể tiếp tục học hiệu quả các môn học kế toán, kinh tế và quản trị kinh doanh khác.

Học phần nguyên lý kế toán này nhằm trang bị những kiến thức kế toán nền tảng giúp người học hiểu được những vấn đề căn bản của kế toán bao gồm khái niệm, bản chất, vai trò của kế toán, người sử dụng thông tin kế toán, các nguyên tắc kế toán làm nền tảng cho thực hành kế toán, các phương pháp và trình tự kế toán cho từng đối tượng thuộc báo cáo tài chính như tài sản, công nợ, vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:**

Mục tiêu về kiến thức: Môn học này giúp sinh viên làm quen với các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của kế toán. Sinh viên sẽ hiểu được tầm quan trọng của thông tin kế toán trong việc ra quyết định kinh doanh. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở để học tiếp các môn học kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh.

Mục tiêu về kỹ năng: Môn học này giúp sinh viên tiếp cận với việc tính toán; khả năng phối hợp và làm việc theo nhóm; khả năng trình bày, khả năng làm việc độc lập, khả năng tự học và nghiên cứu,... Bên cạnh đó học phần này cũng cũng đào tạo

sinh viên các kỹ năng cần trọng, phân tích, đánh giá, làm việc theo nhóm,.. trong quá trình học tập đại học:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	<b>Chuẩn kiến thức :</b> Sinh viên nắm được các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của kế toán. Sinh viên sẽ hiểu được tầm quan trọng của thông tin kế toán trong việc ra quyết định kinh doanh. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở để học tiếp các môn kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh.	CDR 1.6	3
G2	<b>Chuẩn kỹ năng :</b> Môn học này giúp sinh viên tiếp cận với việc tính toán; khả năng phối hợp và làm việc theo nhóm; khả năng trình bày, khả năng làm việc độc lập, khả năng tự học và nghiên cứu,... Bên cạnh đó học phần này cũng đào tạo sinh viên các kỹ năng cần trọng, phân tích, đánh giá, làm việc theo nhóm.	CDR 2.1	3
G3	<b>Chuẩn về năng lực tự chủ và nghề nghiệp</b> Sinh viên có khả năng làm việc độc lập, thực hiện các nghiệp vụ kế toán trong doanh nghiệp, thích ứng với các vị trí khác nhau trong doanh nghiệp và trong các tổ chức khác	CDR 3.2	2

## 6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Mã CDR	Mô tả CDR học phần	Liên kết với CDR của CTĐT	Mức độ năng lực (Bloom)	
[1]	[2]	[3]	[4]	
<b>LO.1</b>	<b>Chuẩn kiến thức</b>			
G1	LO.1.1	Sinh viên nhận biết được các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của kế toán, vai trò của kế toán trong thực tiễn.	CDR 1.6	3
	LO.1.2	Sinh viên hiểu được phương pháp kế toán cho các đối tượng thuộc bảng cân đối kế toán như tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.	CDR 1.6	3

	LO.1.3	Sinh viên hiểu được phương pháp kế toán cho các đối tượng thuộc báo cáo kết quả kinh doanh như doanh thu, chi phí, lợi nhuận, và phân phối lợi nhuận.	CĐR 1.6	3
<b>G2</b>	<b>LO.2</b>	<b>Chuẩn về kỹ năng</b>		
	LO.2.1	Môn học này giúp sinh viên tiếp cận với việc tính toán tăng cường kỹ năng cân trọng, phân tích, đánh giá dữ liệu tài chính để ra các quyết định kinh doanh.	CĐR 2.1	3
	LO.2.2	Môn học này giúp sinh viên tăng khả năng phối hợp và làm việc theo nhóm; khả năng trình bày, khả năng làm việc độc lập, khả năng tự học và nghiên cứu,...	CĐR 2.1	3
<b>G3</b>	<b>LO.3</b>	<b>Chuẩn về năng lực tự chủ và nghề nghiệp</b>		
	LO.3.1	Sinh viên hiểu biết về trách nhiệm xã hội, các vấn đề đạo đức và quyền công dân, từ đó áp dụng trong kế toán và cuộc sống cá nhân.	CĐR 3.2	2

## 7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

### Chương 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN

*Nghiên cứu Chương 1, người học sẽ được trang bị những vấn đề cơ bản về nguyên lý kế toán; vị trí của kế toán trong hệ thống quản lý của đơn vị kinh tế; người sử dụng thông tin kế toán; các báo cáo tài chính-các phương tiện sử dụng để cung cấp thông tin cho người dùng; người học cũng sẽ được nghiên cứu những nguyên tắc kế toán chung được chấp nhận rộng rãi để lập các báo cáo tài chính có chất lượng theo những tiêu chí riêng.*

- 1.1. Khái niệm và chức năng của kế toán
- 1.2. Đối tượng sử dụng thông tin kế toán
- 1.3. Báo cáo tài chính - phương tiện kết nối với người dùng thông tin
- 1.4. Chất lượng thông tin kế toán
- 1.5. Các yếu tố trên báo cáo tài chính
- 1.6. Các giả định và nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung
- 1.7. Nghề nghiệp kế toán và đạo đức nghề nghiệp

### Chương 2: PHÂN TÍCH NGHIỆP VỤ KINH TẾ VÀ GHI NHẬN TRONG HỆ THỐNG KẾ TOÁN

*Nghiên cứu Chương 2, người học sẽ nắm được các khái niệm cơ bản và chức năng của tài khoản kế toán, và hiểu được trình tự các bước ghi nhận trong hệ thống kế toán. Người học cũng sẽ biết cách sử dụng các công thức kế toán căn bản để phân tích, xử lý và ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.*

- 1.1. Khái quát chung về các nghiệp vụ kinh tế và chu trình kế toán
- 1.2. Nghiệp vụ kinh tế và sự ảnh hưởng tới phương trình kế toán
- 1.3. Tài khoản kế toán và ghi chép vào tài khoản

- 1.4. Các bút toán điều chỉnh cuối kỳ
- 1.5. Bảng cân đối thử
- 1.6. Tổng hợp ảnh hưởng của các nghiệp vụ kinh tế tới các báo cáo tài chính

### **Chương 3: KẾ TOÁN CÁC HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Trong chương này, người học sẽ được giới thiệu về kế toán doanh thu, chi phí và phương pháp xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong một doanh nghiệp kinh doanh thương mại. Chương này cũng giới thiệu cho học viên về báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh- là báo cáo quan trọng trình bày về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh sau một thời kỳ hoạt động.*

- 3.1. Các hoạt động kinh doanh thương mại và hệ thống quản lý hàng tồn kho
- 3.2. Kế toán nghiệp vụ mua hàng và bán hàng theo phương pháp Kê khai thường xuyên
- 3.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

### **Chương 4: KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO**

*Chương 4 cung cấp cho người học kiến thức về các vấn đề có liên quan đến hàng tồn kho- một bộ phận tài sản quan trọng trong các doanh nghiệp, bao gồm khái niệm và phân loại hàng tồn kho, tính giá hàng tồn kho. Chương này cũng trình bày chi tiết các kỹ thuật ghi chép kế toán về hàng tồn kho trong kỳ kế toán, xử lý kế toán cuối kỳ, và trình bày báo cáo tài chính chỉ tiêu hàng tồn kho.*

- 4.1. Khái niệm và phân loại hàng tồn kho
- 4.2. Các phương pháp quản lý hàng tồn kho
- 4.3. Tính giá hàng tồn kho
- 4.4. Trình tự kế toán biến động hàng tồn kho
- 4.5. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- 4.6. Trình bày thông tin hàng tồn kho trên báo cáo tài chính

### **Chương 5: KẾ TOÁN TÀI SẢN BẰNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU**

*Chương này cung cấp cho người học kiến thức về các vấn đề có liên quan đến kế toán tiền và công nợ phải thu của một doanh nghiệp. Trong từng phần viết cho từng đối tượng các khái niệm và bản chất được trình bày. Sau đó các tài khoản và trình tự kế toán được giới thiệu, kết hợp cả lý thuyết và ví dụ minh họa. Phần cuối của chương giới thiệu về cách thức trình bày thông tin về tiền và các khoản phải thu trên báo cáo tài chính.*

- 5.1. Kế toán tài sản bằng tiền
- 5.2. Kế toán các khoản phải thu
- 5.3. Trình bày thông tin về tài sản bằng tiền và các khoản phải thu trên báo cáo tài chính

### **Chương 6: KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

*Chương này cung cấp cho người học kiến thức về các vấn đề có liên quan đến kế toán tài sản cố định của một đơn vị kinh tế. Phần đầu giới thiệu những nội dung khái quát về TSCĐ như khái niệm, bản chất, phân loại và tính giá của TSCĐ. Phần tiếp sau của chương giới thiệu nội dung cụ thể kế toán TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình với các*

*ng nghiệp vụ chính như tăng, giảm, khấu hao và sửa chữa TSCĐ. Phần cuối chương giới thiệu về phương pháp trình bày chỉ tiêu TSCĐ trên các báo cáo tài chính.*

6.1. Khái quát chung về tài sản cố định

6.2. Kế toán tài sản cố định hữu hình

6.3. Kế toán tài sản cố định vô hình

6.4. Trình bày thông tin tài sản cố định trên báo cáo tài chính

### **Chương 7: KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ**

*Chương này cung cấp cho người học kiến thức kế toán các khoản nợ phải trả bao gồm nợ ngắn hạn và nợ dài hạn. Nợ ngắn hạn là những khoản nợ mà trách nhiệm phải trả trong vòng 1 năm như vay ngân hàng, nợ phải trả người bán, nợ phải trả công nhân viên, nợ phải trả ngân sách nhà nước. Nợ dài hạn là những khoản nợ mà thời hạn trả là sau 12 tháng, bao gồm nợ dài hạn và vay dài hạn. Trong từng phần, các tài khoản và trình tự kế toán các nghiệp vụ tăng, giảm được giới thiệu chi tiết. Phần cuối chương giới thiệu cách trình bày các khoản nợ trên báo cáo tài chính.*

7.1. Khái quát chung về nợ phải trả

7.2. Kế toán nợ phải trả ngắn hạn

7.3. Kế toán nợ phải trả dài hạn

7.4. Trình bày thông tin nợ phải trả trên báo cáo tài chính

### **Chương 8: KẾ TOÁN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Chương này cung cấp cho người học kiến thức kế toán về vốn chủ sở hữu-phần tài trợ tài sản của doanh nghiệp bên cạnh các khoản nợ phải trả. Vốn chủ sở hữu bao gồm vốn đầu tư ban đầu và vốn góp bổ sung trong quá trình hoạt động của đơn vị. Chương này giới thiệu lần lượt kế toán vốn đầu tư của chủ sở hữu, kế toán lợi nhuận chưa chia, kế toán các quỹ của doanh nghiệp và cuối chương là cách thức trình bày vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính vào cuối năm.*

8.1. Khái quát chung về vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp

8.2. Kế toán vốn đầu tư của chủ sở hữu

8.3. Kế toán lợi nhuận và phân phối lợi nhuận

8.4. Kế toán các quỹ của doanh nghiệp

8.5. Trình bày thông tin vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính

## **8. GIÁO TRÌNH**

8.1. Phạm Đức Cường & Nguyễn Hữu Ánh (2019), Giáo trình Nguyên lý kế toán, NXB ĐHKQTĐ.

## **9. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

9.1 Bộ Tài chính (2015), Thông tư số 70/2015/TT-BTC ngày 08/5/2015 về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán.

9.2 Libby P., Libby R., Phillips F., and Whitecotton S., (2009), Principles of Accounting, 1<sup>st</sup> edition, McGraw-Hill.

9.3 Needles B., Powers M., and Crosson S., (2008), Principles of Accounting, 10<sup>th</sup> edition, Houghton Mifflin Company.

9.4 Phạm Đức Cường, Trần Mạnh Dũng, và Đinh Thế Hùng (2015), Kế toán tài chính căn bản: Lý thuyết và thực hành, NXB Tài chính.

9.5 Võ Văn Nhị và cộng sự (2016), Nguyên lý kế toán, NXB Tài chính.

9.6 Weygandt J., Kimmel P., and Kieso D., (2015), Accounting Principles, 12<sup>th</sup> edition, Wiley.

## 10. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC CỦA HỌC PHẦN

### 10.1. Phương pháp & phương tiện giảng dạy

- Phương pháp giảng dạy: Kết hợp giữa phương pháp giảng dạy truyền thống và hiện đại với phương châm “lấy người học làm trung tâm”. Giảng viên sẽ đóng vai trò giới thiệu kiến thức và hướng dẫn sinh viên trao đổi và tranh luận thông qua nghiên cứu tình huống kinh doanh thực tế của các doanh nghiệp. Bài giảng được thiết kế đan xen các hoạt động bao gồm: Bài giảng, bài tập tình huống, thảo luận nhóm, trắc nghiệm.

- Phương tiện giảng dạy: Máy tính, máy chiếu, bảng, giấy.

### 10.2. Phương pháp học:

Sinh viên bắt buộc tham gia các giờ giảng, giờ thảo luận, giờ thực hành trên lớp; kết hợp với thực hiện việc tự học như sau:

- Sinh phải chủ động tìm kiếm và đọc các tài liệu tham khảo giảng viên giao trước mỗi bài giảng.

- Sinh viên phải hoàn thành bài tập cá nhân và bài tập nhóm được giảng viên giao theo lịch trình giảng dạy.

- Sinh viên được khuyến khích nghiên cứu thêm các chủ đề và vấn đề liên quan tới môn học, và thảo luận với giảng viên về các vấn đề đó.

## 11. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

### 11.1. Thang điểm đánh giá: 10

### 11.2. Các tiêu chí và thành phần đánh giá:

TT	Điểm thành phần (Tỷ lệ %)	Quy định (Theo QĐ số 389/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 8/3/2019)	Chuẩn đầu ra học phần			
			LO.1.1- LO.1.3	LO.2.1	LO.2.2	LO.3.1
1	Điểm quá trình (50%)	1. Điểm chuyên cần - Hình thức: Điểm danh theo thời gian tham gia học trên lớp - Hệ số: 10%	x	x	x	X
		2. Bài kiểm tra giữa kỳ 1 - Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Tuần học thứ 8 - Hệ số: 20%	x	x	x	
		3. Bài kiểm tra giữa kỳ 2			x	x

		- Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Tuần học thứ 13 - Hệ số: 15%				
2	Điểm thi kết thúc học phần (50%)	- Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Theo lịch thi học kỳ - Tính chất: Bắt buộc	x	x	x	X

## 12. LỊCH TRÌNH GIẢNG DẠY

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
Tuần 1	Chương 1/ Bài 1 - Giới thiệu môn học và phổ biến các quy tắc, lịch trình giảng dạy - <b>Chương 1:</b> Tổng quan về kế toán	- Hoạt động làm quen - Bài giảng và thảo luận: Kế toán và vai trò trong thực tiễn	1/0,5	8.1 9.1 9.2 9.4	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3 LO.3.1
	Chương 2/ Bài 1: Phân tích nghiệp vụ kinh tế và ghi nhận trong hệ thống kế toán	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bài giảng <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Phân tích các nghiệp vụ kinh tế theo phương trình kế toán</li> <li>○ Giới thiệu về tài khoản</li> <li>○ Ghi nhận vào tài khoản</li> </ul> </li> </ul>	1/0,5	8.1 9.1 9.2 9.4	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3 LO.3.1
Tuần 2	Chương 2/ Bài 2: Phân tích nghiệp vụ kinh tế và ghi nhận trong hệ thống kế toán	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bài giảng <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Ghi nhận vào tài khoản (tiếp)</li> <li>○ Các bút toán điều chỉnh</li> </ul> </li> </ul>	2/1	8.1 9.1 9.4	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3 LO.2.1 LO.2.2
Tuần 3	Chương 3 (Bài 1): Kế toán các hoạt động thương mại và báo cáo kết quả HĐKD	- Giới thiệu về các hoạt động kinh doanh trong DN - Kế toán hoạt động mua hàng hóa	1/0,5	8.1 9.1 9.3 9.4	LO.1.2 LO.1.3 LO.2.1 LO.2.2 LO.3.1
	Chương 3 (Bài 2): Kế toán các hoạt động thương mại và báo cáo kết quả	- Kế toán hoạt động bán hàng hóa - Lập báo cáo kết quả kinh doanh một bước và	1/0,5	8.1 9.1 9.3 9.4	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3

	HĐKD	nhiều bước			
Tuần 4	Chương 4 (Bài 1) Kế toán hàng tồn kho	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm về hàng tồn kho</li> <li>- Phân loại và tính giá hàng tồn kho nhập</li> </ul>	2/1	8.1 9.1 9.4 9.5 9.6	LO.1.2 LO.1.3 LO.2.1 LO.2.2 LO.3.1
Tuần 5	Chương 4 (Bài 2) Kế toán hàng tồn kho	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính giá hàng tồn kho xuất</li> <li>- Sai sót trong KT hàng tồn kho</li> <li>- Trình bày báo cáo tài chính</li> </ul>	2/1	8.1 9.1 9.4 9.5	LO.1.2 LO.1.3 LO.2.1 LO.2.2 LO.3.1
Tuần 6	Thực hành và kiểm tra giữa kỳ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận tình huống thực tế doanh nghiệp</li> <li>- - Kiểm tra giữa kỳ 1</li> </ul>	0/3		LO.1.2 LO.1.3 LO.2.1 LO.2.2 LO.3.1
Tuần 7	Chương 5: Kế toán TS bằng tiền và các khoản phải thu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế toán TS bằng tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng</li> <li>- Kế toán nợ phải thu</li> <li>- Trình bày báo cáo tài chính</li> </ul>	2/1	8.1 9.1 9.4 9.5	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3 LO.2.1 LO.2.2 LO.3.1
Tuần 8	Chương 6 (Bài 1): Kế toán tài sản cố định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm và tính giá TSCĐ</li> <li>- Kế toán TSCĐ tăng</li> <li>- Kế toán TSCĐ giảm</li> </ul>	2/1	8.1 9.1 9.4 9.5	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3 LO.2.1 LO.2.2 LO.3.1
Tuần 9	Chương 6 (Bài 2): Kế toán tài sản cố định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế toán khấu hao TSCĐ</li> <li>- Kế toán sửa chữa TSCĐ</li> <li>- Trình bày báo cáo tài chính</li> </ul>	2/1	8.1 9.1 9.2 9.4 9.5	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3 LO.2.1 LO.2.2 LO.3.1
Tuần 10	Chương 7 (Bài 1): Kế toán nợ phải trả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm và các loại nợ phải trả</li> <li>- Kế toán phải trả người bán</li> <li>- Kế toán người mua ứng trước</li> </ul>	2/1	8.1 9.1 9.4 9.5	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3 LO.2.1 LO.2.2 LO.3.1



Tuần 11	Chương 7 (Bài 2): Kế toán nợ phải trả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế toán nợ phải trả CNV</li> <li>- Kế toán nợ phải trả NSNN</li> <li>- Trình bày báo cáo tài chính</li> </ul>	2/1	8.1 9.1 9.4 9.5	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3 LO.2.1 LO.2.2 LO.3.1
Tuần 12-13	<b>Chương 8:</b> Kế toán vốn chủ sở hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế toán vốn góp</li> <li>- Kế toán lợi nhuận chưa phân phối</li> <li>- Kế toán các quỹ</li> <li>- Trình bày báo cáo tài chính</li> </ul>	2,5/2	8.1 9.1 9.4 9.5 9.6	LO.1.1 LO.1.2 LO.1.3 LO.2.1 LO.2.2 LO.3.1
		Tổng số	37,5		

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

*Hà Nội, ngày tháng năm*  
**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS. Phạm Đức Cường**